

Bản án số: 335/2025/DS-ST

Ngày: 25/6/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Võ Thị Mai

- *T ký phiên Tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương - *T ký tòa án nhân dân quận Gò Vấp.*

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên Tòa:* Bà Hồ Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2025/QĐXXST-DS ngày 09/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 215/2025/QĐST-DS ngày 04/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: NH TMCPTT; Địa chỉ: ab đường N, phường V, quận c, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà N.Đ.T.D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông T.Đ.T – Chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản NH SGTT

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà H.M.T, sinh năm 1996; Địa chỉ: B đường N, Phường B, Quận G, Thành phố H.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/12/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 30/7/2020 bà H.M.T có ký với NH TMCPTT (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 36,388,838 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 36,995,732 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 11/03/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 06/11/2024 số dư nợ quá hạn 12,160,993 đồng và lãi quá hạn 9,596,063 đồng. Tổng cộng 21,757,056 đồng (Hai mươi một triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn và năm mươi sáu đồng). Mặc dù, Ngân hàng đã yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán, đến nay bà T vẫn chưa thanh toán, là vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà H.M.T trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật số nợ cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/6/2025 là 25,408,935 đồng trong đó nợ gốc 12,160,993 đồng và lãi quá hạn 13.247.942 đồng. Yêu cầu bà T tiếp tục thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 26/6/2025 theo hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T trả hết nợ.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt niêm yết hợp lệ đến Tòa án ghi bản tự khai, tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;

Về tố tụng:

Giám sát quá trình giải quyết vụ án dân sự giữa NH TMCPTT với bà H.M.T nhận thấy: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự

2015, về thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện Kiểm sát và cho đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa đảm bảo trình tự xét xử vụ án, đảm bảo quyền lợi cho các bên khi tranh tụng, đúng pháp luật tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về tố tụng:

[1] NH TMCPTT khởi kiện bà H.M.T về hợp đồng tín dụng. Bà T có địa chỉ nơi đăng ký Tổng trú B đường N, Phường B, Quận G, Thành phố H. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập đến lần thứ hai nhưng bà T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với thủ tục được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Căn cứ trình bày của đại diện nguyên đơn trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của NH TMCPTT, căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 30/07/2020. NH TMCPTT có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với bà H.M.T, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân cho bà T, bà T đã thực hiện các giao

dịch với tổng số tiền là 36,388,838 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 36,995,732 đồng. Tính đến ngày 06/11/2024, bà T còn dư nợ quá hạn 12,160,993 đồng, lãi quá hạn 9,596,063 đồng. Tổng cộng 21,757,056 đồng (Hai mươi một triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn và năm mươi sáu đồng). Nay NH TMCPTT khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà H.M.T trả nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật số nợ cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/6/2025 là 25,408,935 đồng trong đó nợ gốc 12,160,993 đồng và lãi quá hạn 13.247.942 đồng. Yêu cầu bà T tiếp tục thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 26/6/2025 theo hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T trả hết nợ. Như vậy, giữa bà T và NH TMCPTT có giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở nên chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm **1.270.446** đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại án phí tạm nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Luật án phí lệ phí 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NH TMCPTT với bị đơn bà P.M.T.

Buộc bà H.M.T phải có trách nhiệm thanh toán cho NH TMCPTT một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền tạm tính đến ngày 25/6/2025 là 25,408,935 đồng trong đó nợ gốc 12,160,993 đồng và lãi 13.247.942 đồng.

NH TMCPTT được quyền tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 26/6/2025 cho đến khi bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí:

Bà H.M.T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.270.446 đồng.

NH TMCPTT được hoàn lại số tiền 543,926 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0057401 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt, niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Bình

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSNDTP.HCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Các đương sự;
- Lưu
- u VP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bình

